

**Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited -
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**

Báo cáo tài chính tóm tắt

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited -
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**

Báo cáo tài chính tóm tắt

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited -
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính tóm tắt	1 - 2
Báo cáo tình hình tài chính tóm tắt	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động tóm tắt	6

Số tham chiếu: 12156685/68895753

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

**Kính gửi: Chủ sở hữu Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited -
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**

Báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 3 đến trang 6 bao gồm báo cáo tình hình tài chính tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và báo cáo kết quả hoạt động tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trích từ Báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("Chi nhánh"). Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính đầy đủ này tại báo cáo kiểm toán lập ngày 28 tháng 3 năm 2025. Báo cáo tài chính đầy đủ này và Báo cáo tài chính tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Do đó, việc đọc Báo cáo tài chính tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc Báo cáo tài chính đầy đủ của Chi nhánh.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Chi nhánh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tóm tắt, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tóm tắt và báo cáo kết quả hoạt động tóm tắt theo các nguyên tắc về lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt được chấp nhận chung ở Việt Nam.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 - "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tóm tắt, được trích từ Báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chi nhánh đã được kiểm toán, đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với Báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán và phù hợp với quy định về lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt được chấp nhận chung ở Việt Nam.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Chi nhánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 27 tháng 3 năm 2024.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Huỳnh Nhật Hưng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 5040-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

**Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited -
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TÓM TẮT
ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02/TCTD

	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		USD	Triệu đồng quy đổi	USD	Triệu đồng quy đổi
TÀI SẢN					
Tiền mặt	5	420.528	10.699	442.594	10.733
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)	6	286.347.374	7.284.964	85.610.020	2.076.043
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác		691.081.678	17.581.809	984.890.873	23.883.603
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	644.187.316	16.388.770	885.845.363	21.481.750
Cho vay các TCTD khác	7.2	50.987.696	1.297.178	103.349.290	2.506.220
Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay với các TCTD khác	7.4	(4.093.334)	(104.139)	(4.303.780)	(104.367)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	1.164.923	29.637	199.963	4.849
Cho vay khách hàng		487.667.444	12.406.748	566.333.477	13.733.587
Cho vay khách hàng	9	488.770.171	12.434.802	567.284.747	13.756.655
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(1.102.727)	(28.054)	(951.270)	(23.068)
Chứng khoán đầu tư	11	-	-	-	-
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		-	-	-	-
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		-	-	-	-
Tài sản cố định	12	456.704	11.619	486.784	11.804
Tài sản cố định hữu hình	12.1	227.775	5.795	275.863	6.690
Nguyên giá tài sản cố định		797.094	20.279	837.449	20.308
Khấu hao lũy kế tài sản cố định		(569.319)	(14.484)	(561.586)	(13.618)
Tài sản cố định vô hình	12.2	228.929	5.824	210.921	5.114
Nguyên giá tài sản cố định		340.900	8.673	293.581	7.119
Hao mòn lũy kế tài sản cố định		(111.971)	(2.849)	(82.660)	(2.005)
Tài sản Có khác		10.033.247	255.256	11.630.835	282.049
Các khoản phải thu	13.1	866.543	22.046	422.663	10.250
Các khoản lãi, phí phải thu	13.2	8.881.064	225.943	10.915.362	264.698
Tài sản Có khác	13.3	285.640	7.267	292.810	7.101
TỔNG TÀI SẢN CÓ		1.477.171.898	37.580.732	1.649.594.546	40.002.668

Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited -
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TÓM TẮT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02/TCTD

		Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thuyết minh	USD	Triệu đồng quy đổi	USD	Triệu đồng quy đổi
NỢ PHẢI TRẢ					
Tiền gửi và vay của các TCTD khác					
Tiền gửi của các TCTD khác	14.1	177.851.694	4.524.725	680.813.355	16.509.724
Vay từ các TCTD khác	14.2	-	-	590.813.355	14.327.224
				90.000.000	2.182.500
Tiền gửi của khách hàng	15	959.790.073	24.418.020	645.675.925	15.657.641
Các khoản nợ khác					
Các khoản lãi, phí phải trả	16.1	12.327.216	313.618	27.781.260	673.696
Các khoản phải trả và công nợ khác	16.2	6.223.102	158.322	7.720.525	187.223
Các khoản dự phòng khác (dự phòng cho các khoản nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)	16.2	6.011.422	152.938	19.729.550	478.442
	29	92.692	2.358	331.185	8.031
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		1.149.968.983	29.256.363	1.354.270.540	32.841.061
VỐN CHỦ SỞ HỮU					
Vốn điều lệ		180.000.000	3.744.945	180.000.000	3.744.945
Các quỹ dự trữ		25.338.094	602.054	18.958.298	442.086
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	1.087.306	-	723.896
Lợi nhuận chưa phân phối		121.864.821	2.890.064	96.365.708	2.250.680
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	327.202.915	8.324.369	295.324.006	7.161.607
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU					
		1.477.171.898	37.580.732	1.649.594.546	40.002.668

Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited -
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TÓM TẮT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02/TCTD

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TÓM TẮT

	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		USD	Triệu đồng quy đổi	USD	Triệu đồng quy đổi
Cam kết giao dịch hối đoái	29	422.601.315	10.751.400	381.265.891	9.245.698
- Cam kết về giao dịch hoán đổi tiền tệ		348.832.171	8.874.639	298.049.281	7.227.695
- Cam kết về giao dịch hoán đổi lãi suất		73.769.144	1.876.761	83.216.610	2.018.003
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	29	40.238.837	1.023.716	55.599.596	1.348.290
Bảo lãnh khác	29	54.191.327	1.378.682	48.508.434	1.176.330
Cam kết cho vay	29	553.951.992	14.093.093	396.598.184	9.617.506
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	30	84.288	2.144	88.427	2.144

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Người soát xét:

Người phê duyệt:

Bà Giang Mỹ Sậy
Kế toán

Ông Lyu Wang Di
Kế toán Trưởng

Ông Zhang Lin
Tổng Giám đốc



Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited -
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÓM TẮT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03/TCTD

Thuyết minh		Năm nay		Năm trước	
		USD	Triệu đồng quy đổi	USD	Triệu đồng quy đổi
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	19	54.747.417	1.375.330	55.463.750	1.327.765
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	20	(13.851.805)	(347.957)	(15.067.742)	(360.124)
Thu nhập lãi thuần		40.895.612	1.027.373	40.396.008	967.641
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		2.070.767	51.985	2.332.834	55.807
Chi phí từ hoạt động dịch vụ		(291.212)	(7.337)	(349.503)	(8.397)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	21	1.779.555	44.648	1.983.331	47.410
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	22	6.214.070	155.462	5.373.711	129.287
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán đầu tư	11	-	-	2.319	56
Thu nhập khác		7.000	178	1.770	43
Chi phí hoạt động khác		(10.279)	(262)	(83.437)	(2.023)
Lỗ thuần từ hoạt động khác	23	(3.279)	(84)	(81.667)	(1.980)
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	24	(9.001.744)	(227.442)	(9.581.794)	(230.406)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		39.884.214	999.957	38.091.908	912.008
Hoàn nhập/(chi phí) dự phòng rủi ro tín dụng	25	69.001	1.864	(2.335.836)	(56.820)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		39.953.215	1.001.821	35.756.072	855.188
Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.1	(8.054.234)	(201.982)	(7.259.385)	(173.661)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		31.898.981	799.839	28.496.687	681.527

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Người soát xét:

Người phê duyệt:

Bà Giang Mỹ Sậy
Kế toán

Ông Lyu Wang Di
Kế toán Trưởng

Ông Zhang Lin
Tổng Giám đốc